

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin  
tỉnh Bình Phước đến năm 2015, định hướng đến năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; số 194/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước thời kỳ 2006 - 2020; số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 05/2007/QĐ-BTTTT ngày 26/10/2007 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 63/TTr-STTTT ngày 06/12/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt “Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bình Phước đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”, với những nội dung chủ yếu sau:

## 1. Mục tiêu Quy hoạch:

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), đồng thời là cơ sở để UBND tỉnh chỉ đạo phát triển CNTT thống nhất, đồng bộ với quy hoạch của các ngành trong tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

- Xác định những mục tiêu, định hướng phát triển, đề ra các lĩnh vực, những dự án cần ưu tiên đầu tư tập trung để nhanh chóng phát huy hiệu quả, đề xuất các giải pháp cụ thể để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện thành công các dự án cấp thiết về CNTT phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ứng dụng CNTT rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập khu vực và quốc tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Phát triển CNTT theo cơ cấu, quy mô hợp lý, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời theo kịp khả năng và trình độ phát triển CNTT trong nước và khu vực.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT và truyền thông tại các cơ quan Đảng, Nhà nước được hiện đại hóa và hoàn thiện về số lượng, chất lượng, tốc độ, băng thông và độ tin cậy, đáp ứng các yêu cầu cho công việc triển khai và vận hành chính quyền điện tử ở các cấp cũng như thực hiện cung cấp các dịch vụ công cho người dân với chất lượng và hiệu quả cao.

- Phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp nội dung trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

## 2. Nội dung chính của Quy hoạch:

### 2.1 Quy hoạch phát triển hạ tầng CNTT:

#### a) Giai đoạn 2012 - 2015:

- 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã; 50% UBND các xã, phường, thị trấn có hệ thống mạng nội bộ kết nối với tất cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả; 100% cán bộ, nhân viên được cấp máy tính được kết nối mạng nội bộ và mạng internet.

- 100% các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên và 80% trường tiểu học được trang bị phòng máy tính đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- 100% các cơ sở y tế tuyến tỉnh, 50% cơ sở y tế tuyến huyện có hệ thống mạng LAN và trang thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT; 100% cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên được kết nối internet tốc độ cao; trên 50% trạm y tế tuyến xã có máy tính và được kết nối internet tốc độ cao.

#### b) Định hướng đến năm 2020:

- Khai thác triệt để mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, kết nối thông suốt tới cấp xã, phường trên phạm vi toàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Triển khai hệ thống định danh hướng tới xây dựng trung tâm kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, bảo đảm liên thông giữa các hệ thống thông tin của cơ quan, cung cấp dịch vụ công hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp.

- Hình thành mạng chuyên dụng của tỉnh trên công nghệ truyền dẫn quang. Mạng chuyên dụng được xây dựng để đáp ứng các giao dịch trực tuyến giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh với người dân và doanh nghiệp (G2C, G2B), giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau (G2G) thông qua các chương trình tác nghiệp, các dịch vụ công trong nền hành chính điện tử của chính quyền điện tử.

## 2.2 Quy hoạch phát triển ứng dụng CNTT:

### a) Giai đoạn 2012 - 2015:

#### \* Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước:

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư điện tử, sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp.

- 100% UBND cấp huyện và tối thiểu 30% sở, ngành triển khai, sử dụng hệ thống một cửa điện tử trong thực hiện các thủ tục hành chính; 50% quy trình một cửa có ứng dụng phần mềm trong giải quyết tình trạng hồ sơ.

- 100% hồ sơ quản lý cán bộ, công chức các cấp có thể quản lý chung trên mạng và hình thành cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức của tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin trọng điểm của tỉnh được đảm bảo an toàn thông tin bởi các hệ thống bảo mật chuyên dùng có độ tin cậy cao; tối thiểu 50% mạng nội bộ của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã được xây dựng, thiết kế giải pháp đồng bộ, thích hợp đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống. 100% các văn bản hồ sơ công việc trao đổi qua môi trường mạng giữa các cơ quan nhà nước có sử dụng chữ ký số.

- 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp được triển khai hệ thống quản lý tài chính kế toán.

- Ít nhất 50% các cuộc họp của UBND tỉnh với UBND các huyện, thị và giữa các cơ quan cấp tỉnh với các huyện, thị được thực hiện trên môi trường mạng.

- Tất cả kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, kết quả đấu thầu, danh sách nhà thầu tham gia được đăng tải trên mạng đấu thầu quốc gia.

#### \* Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thị hoặc tương đương có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28

Luật Công nghệ thông tin; cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, tối thiểu 30% mức độ 3 và 5% mức độ 4.

- 100% UBND các huyện, thị xã và ít nhất 30% các sở, ngành đưa các quy trình thủ tục, xử lý hồ sơ lên hệ thống một cửa điện tử cung cấp cho người dân và doanh nghiệp;

- 20% hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- 20% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng.

- Phát triển mạnh mẽ các dịch vụ hỗ trợ giải quyết việc làm và các vấn đề xã hội, đặc biệt là xây dựng hệ thống sàn giao dịch việc làm nhằm cung cấp thông tin về lao động và việc làm trên mạng.

- Phát triển các trang thông tin điện tử nhằm tăng cường ứng dụng CNTT trong xúc tiến, quảng bá du lịch và lưu giữ phát triển văn hóa truyền thống.

- \* Ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo:

- 100% trường THPT triển khai và sử dụng hệ thống quản lý nhà trường phổ thông.

- Đảm bảo có đủ giáo viên dạy bộ môn Tin học trong chương trình chính khóa ở các trường phổ thông. 100% giáo viên biết sử dụng máy tính và truy cập internet; 100% học sinh THPT, THCS và học sinh các Trung tâm giáo dục thường xuyên, 50% học sinh tiểu học được học tin học trong chương trình chính khóa.

- \* Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe:

- Sở Y tế và 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, trên 30% cơ sở y tế tuyến huyện ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý.

- Xây dựng mạng thông tin y tế với trang thông tin điện tử y tế của tỉnh để hình thành hệ thống dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe của người dân và kết nối thông tin giữa các bệnh viện. Mạng y tế được triển khai với những công nghệ mới để có thể thực hiện các hội nghị truyền hình, hội chẩn và khám chữa bệnh từ xa, giúp các bệnh viện của tỉnh có thể nhận được các ý kiến của các chuyên gia y tế đầu ngành từ trung ương và các địa phương có chuyên gia giỏi.

- \* Ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn:

- Trên 45% số xã có điểm bưu điện văn hóa và điểm truy cập internet đạt chuẩn theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

- Đến năm 2015, GIS trở thành công cụ hiệu quả và phổ biến trong mọi công tác quản lý và phát triển nông, lâm nghiệp của tỉnh.

- \* Ứng dụng CNTT trong sản xuất kinh doanh và thương mại:

- Đến năm 2015, nhiều dịch vụ công được thực hiện trên quy mô toàn quốc.

- Trên 30% các doanh nghiệp lớn thường xuyên thực hiện các giao dịch thương mại điện tử; 30% các doanh nghiệp vừa và nhỏ biết đến lợi ích của thương mại điện tử và có ứng dụng nhất định.

- Hoàn chỉnh xây dựng và phát triển các hệ thống Website giới thiệu thương hiệu, quảng bá sản phẩm; phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và của các doanh nghiệp.

b) Định hướng đến năm 2020:

\* Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước:

- Đến năm 2020, hoàn thành việc xây dựng và đưa vào triển khai thực hiện diện rộng hệ thống chính quyền điện tử ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo mô hình của Gartner: Thông tin, giao tiếp, tương tác, giao dịch và chuyển hoá.

- 80% các dịch vụ công sẽ đạt mức độ 3, 4 và được cung cấp trực tuyến mọi lúc, mọi nơi phục vụ nhu cầu thực tế của người dân và doanh nghiệp trên mọi lĩnh vực.

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng rộng khắp phục vụ các hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Tham gia tiếp nhận, khai thác, sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, dữ liệu điện tử do Trung ương đầu tư và triển khai, phục vụ có hiệu quả các hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

\* Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Đến năm 2020, 100% các xã, phường, thị trấn có điểm truy cập internet băng thông rộng. Các hộ gia đình có kết nối internet tại nhà chiếm trên 60%. 100% người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng máy tính và các tiện ích của internet khi có nhu cầu giao dịch với cơ quan quản lý nhà nước.

- Trên 40% hồ sơ khai thuế của người dân và doanh nghiệp được nộp qua mạng; Cục Hải quan tỉnh triển khai thủ tục hải quan điện tử.

\* Ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo:

- 100% các trường THPT, THCS có các hệ thống thông tin quản lý học sinh, quản lý thi và hệ thống mạng giáo dục giúp cho học sinh ôn tập, học tập; liên lạc giữa nhà trường và gia đình đều được thực hiện qua mạng internet, các thiết bị di động.

- Hệ thống đào tạo từ xa qua mạng (e-learning) được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ đắc lực cho giáo dục và đào tạo.

\* Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực y tế:

- 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện có đủ trang thiết bị CNTT và được kết nối internet tốc độ cao phục vụ ứng dụng CNTT; 100% cơ sở y tế tuyến xã có hệ thống mạng LAN và truy cập internet

- 100% bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện triển khai hệ thống thông tin quản lý bệnh viện, quản lý bệnh nhân, hồ sơ bệnh án điện tử; 50% trạm y tế sử dụng các phần mềm thống kê, chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

- 50% ca bệnh khó sử dụng hệ thống mạng y tế chuẩn đoán từ xa giữa bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện Trung ương và các bệnh viện địa phương có

chuyên gia giỏi để nhận được ý kiến của chuyên gia trong khám chữa bệnh, chẩn đoán hình ảnh, hội chẩn từ xa.

\* Ứng dụng CNTT trong sản xuất kinh doanh:

- Ít nhất 50% các doanh nghiệp lớn ứng dụng các phần mềm quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp với đầy đủ các chức năng như: quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quản lý hàng hoá và bán hàng, quản lý và chăm sóc khách hàng, quản lý dây chuyền cung cấp nguyên liệu.

- Ứng dụng các phần mềm tự động hoá dây chuyền sản xuất và phần mềm nhúng để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất. Các doanh nghiệp này đều có Website và tham gia sàn giao dịch điện tử.

2.3 Quy hoạch phát triển công nghiệp CNTT:

a) Giai đoạn 2012 - 2015:

\* Công nghiệp phần cứng:

- Đến năm 2015, hệ thống doanh nghiệp kinh doanh, mua bán thiết bị CNTT đang hoạt động tại tỉnh sẽ mở rộng và phát triển đủ đáp ứng cho nhu cầu trong địa bàn tỉnh.

- Đội ngũ có trình độ chuyên môn cao đủ sức trang bị, vận hành và bảo trì các thiết bị phần cứng sẽ đáp ứng 100% nhu cầu của tỉnh.

\* Công nghiệp phần mềm:

- Đến năm 2015, hình thành một nguồn nhân lực chuyên môn cho việc vận hành và sử dụng các phần mềm chuyên dùng.

- Hình thành nhu cầu xây dựng và cài đặt các phần mềm cho hệ thống nhúng cũng như các phần mềm tự động hóa.

\* Công nghiệp nội dung số:

- Hoàn chỉnh xây dựng các cổng thông tin điện tử, trang điện tử cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, trường học và bệnh viện tỉnh.

- Xây dựng các sàn giao dịch điện tử và phổ biến đến mọi thành phần người dân trong xã hội.

\* Dịch vụ CNTT: Phối hợp với các lực lượng chuyên nghiệp (những nhà chuyên gia công nghệ cho cả 3 ngành công nghiệp nêu trên) tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn lập đề án, dự án CNTT, tư vấn giải pháp, tư vấn đào tạo, hướng dẫn chuyên môn, bảo trì, bảo hành,...

b) Định hướng đến năm 2020: Hoàn thiện các chính sách, chế độ ưu đãi để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là cán bộ có chuyên môn sâu về CNTT làm cộng tác và về tỉnh làm việc.

2.4 Quy hoạch phát triển nhân lực CNTT:

a) Giai đoạn 2012 - 2015:

\* Về nhân lực CNTT trong các cơ quan nhà nước:

- 100% cán bộ công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có khả sử dụng máy tính, các ứng dụng CNTT và khai thác internet phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Đến năm 2015, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã đều có Phòng Quản trị hệ thống CNTT riêng với quản trị viên có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt nhu cầu triển khai, quản lý và ứng dụng CNTT, phục vụ công cuộc triển khai chính quyền điện tử.

\* Về nhân lực CNTT trong các doanh nghiệp: 100% các doanh nghiệp quy mô lớn hoạt động trên địa bàn tỉnh có phòng ban chuyên trách CNTT và quản trị viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng nhu cầu quản trị hệ thống CNTT tại đơn vị.

\* Về nhân lực CNTT hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế:

- 80% giáo viên và cán bộ quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo sử dụng thành thạo máy tính và các ứng dụng liên quan đến giáo dục và đào tạo. Trên 60% giáo viên biết soạn và sử dụng giáo án điện tử phục vụ giảng dạy. Trên 50% các trường học trong tỉnh từ cấp trung học phổ thông trở lên đều có chương trình hợp tác đào tạo, liên thông CNTT với các trường, trung tâm đào tạo CNTT có uy tín trong cả nước, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo về CNTT cũng như các ngành khoa học kỹ thuật khác.

- 80% cán bộ, nhân viên trong ngành Y tế của tỉnh sử dụng được máy tính, các ứng dụng y tế và các thiết bị y tế hiện đại.

b) Định hướng đến năm 2020:

- Cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT) tại các cơ quan trong hệ thống chính trị, trường học, cơ sở y tế được bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về CNTT và quản lý CNTT.

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị, các doanh nghiệp lớn và vừa có cán bộ lãnh đạo thông tin (CIO).

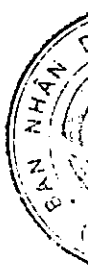
- 100% cán bộ lãnh đạo thông tin tại các cơ quan trong hệ thống chính trị và trong các doanh nghiệp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức CNTT và kỹ năng quản lý CNTT.

- Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách CNTT được đào tạo và chứng nhận bởi các chứng chỉ quản trị hệ thống CNTT quốc tế (MCSA, CCNA...); đội ngũ này được đào tạo thường xuyên và cập nhật những công nghệ mới nhất của thế giới.

2.5 Quy hoạch CNTT làm đòn bẩy cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn hàng, chủ hàng, loại hàng vận chuyển hai chiều giữa Tây Nguyên, Bắc Campuchia với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam Việt Nam với đầy đủ thông tin chi tiết phục vụ việc lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tại tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trong vùng, các loại dịch vụ, giá dịch vụ, phân tích thị trường logistics trong vùng.



- Xây dựng GIS quản lý rừng, đất đai, phục vụ quy hoạch đô thị kinh tế - sinh thái, phát triển hệ thống khu công nghiệp tập trung theo kiểu logistics.

**Điều 2. Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Quy hoạch phê duyệt:**

1. Giải pháp nguồn lực CNTT:

1.1 Xây dựng, triển khai đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ ứng dụng, khai thác CNTT phục vụ công tác chuyên môn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp chính quyền của tỉnh và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

1.2 Chỉ đạo ứng dụng CNTT:

- Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh tham mưu UBND tỉnh các chính sách khuyến khích đầu tư, ứng dụng CNTT trên địa bàn.

- Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về CNTT; tham mưu UBND tỉnh giám sát, kiểm tra và đề xuất các giải pháp tích cực để đạt được các chỉ tiêu phát triển CNTT đã đề ra.

1.3 Đào tạo nguồn nhân lực CNTT:

Việc đào tạo nguồn nhân lực CNTT cần được xem là một trong những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu. Trên cơ sở đó, tiến hành quy hoạch, nâng cấp các trường, các trung tâm đào tạo CNTT vừa đáp ứng phổ cập, vừa đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu và hướng tới hợp tác đào tạo chuyên gia. Theo đó:

- Đối với đội ngũ lãnh đạo chính quyền các cấp của tỉnh: Chú ý đào tạo cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO) giúp tỉnh thực hiện tốt chiến lược phát triển chính quyền điện tử và các dự án CNTT trong giai đoạn 2011-2015 và các giai đoạn tiếp theo.

- Khuyến khích đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo CNTT trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, đào tạo chuyên sâu. Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các trường công nghệ cao, các viện nghiên cứu, các công ty phát triển CNTT có thương hiệu trong và ngoài nước.

- Xã hội hoá việc đào tạo nguồn lực CNTT, thu hút các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư phát triển nguồn nhân lực CNTT.

- Hàng năm, cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ CNTT ở một số trường đại học lớn trong và ngoài nước; đồng thời có chính sách thu hút lực lượng kỹ sư CNTT trẻ đã qua đào tạo chính quy về công tác tại tỉnh.

2. Giải pháp cơ chế chính sách:

2.1 Cơ chế chính sách phát triển ứng dụng CNTT:

- Xây dựng các chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển ứng dụng CNTT, đặc biệt triển khai thương mại điện tử và Chính phủ điện tử.

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin và triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức và kiến thức về an toàn thông tin cho mọi đối tượng sử dụng mạng, đảm bảo cho các cán bộ chịu trách nhiệm quản trị mạng máy tính và quản trị thông tin được bồi dưỡng và cập nhật các qui định về an toàn thông tin.



- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử và tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

## 2.2 Cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực CNTT:

- Xây dựng chính sách đãi ngộ để thu hút lao động CNTT có chất lượng.

- Xây dựng cơ chế thu hút và lưu giữ chuyên gia CNTT trình độ cao, chính sách ưu đãi về thu nhập cho nhân lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước, chính sách ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT (phụ trách CNTT), giáo viên CNTT tại các vùng khó khăn.

- Kiện toàn bộ máy cán bộ chuyên trách CNTT ở cấp huyện, đảm bảo số lượng và cơ cấu trình độ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giai đoạn mới.

2.3 Cơ chế chính sách phát triển công nghiệp CNTT: Xây dựng các chính sách phát triển thị trường CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm và nội dung thông tin số. Có chính sách tích cực khuyến khích ứng dụng CNTT thông qua đó kích cầu đối với thị trường CNTT trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp huy động vốn đầu tư: Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng việc ứng dụng và phát triển. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn FDI, hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua việc xã hội hoá để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

3.1 Vốn ngân sách: Vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng CNTT, ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương được sử dụng tập trung thông qua các dự án trọng điểm của quốc gia và theo ngành dọc thực hiện trên địa bàn tỉnh.

## 3.2 Huy động vốn trong các doanh nghiệp:

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ cho ứng dụng CNTT để phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường (có thể tự huy động vốn hoặc vay vốn ngân hàng).

- Ưu tiên cho các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh tham gia các dự án CNTT của tỉnh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư, nâng cao trình độ, mở rộng quy mô, đi tắt đón đầu công nghệ.

3.3 Huy động vốn trong dân: Khuyến khích tư nhân trong và ngoài tỉnh tích cực tham gia xã hội hóa phát triển và ứng dụng CNTT để huy động vốn từ xã hội đầu tư phát triển CNTT.

## 3.4 Huy động vốn đầu tư nước ngoài:

- Xây dựng cơ chế thông thoáng, giải quyết thủ tục nhanh gọn, chính xác để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Sử dụng một phần vốn ODA để xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông ở nông thôn.

- Tổ chức hội thảo, giới thiệu và chào mời các doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt là đầu tư phát triển công nghiệp CNTT. Xây dựng quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp với từng lĩnh vực ngành nghề với mức ưu đãi cao nhất trong khung pháp lý chung của Nhà nước; đồng thời thể hiện một số ưu đãi riêng, chú trọng các hình thức đầu tư mới, gắn quyền lợi với trách nhiệm của nhà đầu tư.

#### 4. Giải pháp về công nghệ:

- Để có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế bắt kịp với những vùng kinh tế phát triển trong nước. Bình Phước mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại để có thể đi tắt đón đầu và sử dụng công nghệ mới nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) phù hợp với tình để xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kỹ thuật.

- Tập trung triển khai các dự án thương mại điện tử để thúc đẩy khởi nghiệp nhận thức đúng và đưa ứng dụng CNTT vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

#### 5. Các giải pháp nâng cao nhận thức về CNTT:

- Nâng cao nhận thức về CNTT cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở. Theo đó, tổ chức các lớp đào tạo, phổ cập kiến thức về CNTT; hướng dẫn sử dụng các phần mềm trong công việc, hình thành dần môi trường làm việc có ứng dụng CNTT, thể hiện được lợi ích của ứng dụng CNTT trong xử lý công việc.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức quy mô tuyên truyền, thông tin, phổ biến kiến thức về CNTT và xã hội thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các chương trình hội thảo, các lớp tập huấn với hình thức, nội dung thông tin thích hợp cho lãnh đạo các cấp về chiến lược và chính sách CNTT của các nước, của tỉnh; về xu hướng phát triển, ảnh hưởng, tầm quan trọng và khả năng ứng dụng CNTT hỗ trợ các lĩnh vực và hoạt động.

- Xây dựng, triển khai đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao nhận thức, chất lượng ứng dụng, khai thác CNTT phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cho đội ngũ lãnh đạo các cấp chính quyền của tỉnh và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện Quy hoạch:**

#### 1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và sự phát triển CNTT, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp.

- Tham mưu UBND tỉnh các vấn đề liên quan đến chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án CNTT với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về CNTT, đảm bảo sự đồng bộ, nhất quán trong toàn hệ thống.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành kế hoạch, giải pháp chi tiết, cụ thể triển khai thực hiện Quy hoạch hàng năm và 05 năm.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT; thường trực giúp UBND tỉnh điều phối và phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện các dự án phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế ưu đãi các doanh nghiệp, chủ động xây dựng cơ sở hạ tầng đi trước đón đầu, thu hút các doanh nghiệp đầu tư thực hiện Quy hoạch; đề xuất các cơ chế bắt buộc đối với việc ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông trên địa bàn tỉnh đạt các chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực CNTT; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các tiêu chuẩn tuyển dụng, bố trí sử dụng đội ngũ chuyên gia, cán bộ có trình độ cao về CNTT về công tác tại tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ trong chương trình quốc gia phát triển nguồn nhân lực CNTT.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện các dự án đúng thời điểm và hoàn thành đúng tiến độ.

- Là cơ quan đầu mối tập hợp nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề ứng dụng và phát triển CNTT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ Quy hoạch đã được phê duyệt, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tính toán, cân đối, huy động kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau để xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đảm bảo triển khai thực hiện các dự án, đề án, chương trình thuộc ngân sách tỉnh đạt hiệu quả.

### 3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các dự án, đề án, chương trình thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xây dựng các quy định ưu đãi về tín dụng dành cho sinh viên của tỉnh theo học các trường đào tạo chính quy về CNTT đạt chuẩn quốc tế (các trường trong và ngoài tỉnh, các trường quốc tế).

### 4. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế chuyên trách về CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng tiêu chuẩn, chức danh Giám đốc CNTT (CIO) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và hướng dẫn các cơ quan có liên quan thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển và ưu đãi đối với cán bộ, công chức có trình độ cao về CNTT.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CNTT và truyền thông ứng dụng vào thực tiễn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đầu tư cho các dự án nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ về phần mềm (nhất là phần mềm nguồn mở) có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT của tỉnh.

**6. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ công tác giáo dục và đào tạo, đảm bảo các chỉ tiêu phổ cập tin học trong nhà trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Quy hoạch được phê duyệt.

**7. Sở Công Thương:** Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phát triển Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất và triển khai phát triển Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh; xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh; xây dựng, triển khai chương trình tạo thị trường và thương hiệu cho sản phẩm CNTT của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT tham gia thị trường quốc tế.

**8. Các sở, ban, ngành khác:** Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Quy hoạch phê duyệt theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:**

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các chương trình, dự án CNTT trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển CNTT ở cơ sở đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả cao.

**Điều 4. Các ông (bà):** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- VPCP;
- Bộ TT&TT;
- TT.TU, TT.HỖND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, các Phòng, TT.TH-CB;
- Lưu: VT (QĐ 14). 60

CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
Bùi Văn Thạc